

Số: 66 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 1205/CV-JAPFA ngày 12/5/2023 của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án “Dự án nhà máy giết mổ và chế biến thịt”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 26/TTr-BQL ngày 23/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Dự án Nhà máy giết mổ và chế biến thịt” - Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm (sau đây gọi là Dự án), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư

1.1. Tên Dự án đầu tư: “Dự án Nhà máy giết mổ và chế biến thịt” - Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2145169947 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 08/5/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 2500175548 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 29/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/9/2019.

1.4. Mã số thuế: 2500175548.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (giai đoạn 1 chỉ giết mổ gà).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như Dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Diện tích thực hiện dự án: 148.209 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Giết mổ 18.720.000 con gà/năm (giai đoạn 1).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hớn Quản, Công ty CP Công nghiệp Minh Hưng - Sikico nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 29 tháng 5 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại khoản 5, Điều 66, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND huyện Hớn Quản;
- Công ty CP CN Minh Hưng - Sikico;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-12GP_{26/5}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14 **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Huyền Anh Minh

Phụ lục 1.

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...66.../GPMT-UBND
ngày 29/1/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico tại các Văn bản: Hợp đồng cho thuê lại đất giữa Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam và Công ty CP Công nghiệp Minh Hưng - Sikico số: JAPFA-SH02.2020/MOU.LSA ngày 14/12/2020; Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án tại KCN Minh Hưng - Sikico số 06/MHS-2022 ngày 08/9/2022; Văn bản tiếp nhận nước thải số 03/MH3.2023 ngày 14/01/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ Dự án bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy, nước thải nhà ăn và nước thải sản xuất.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh (tổng lưu lượng 4,5 m³/ngày), được xử lý sơ bộ bằng bồn tự hoại composite 3 ngăn đối với khu vực nhà kỹ thuật và bể tự hoại 3 ngăn đối với các khu vực khác với tổng dung tích là 32,3 m³, sau đó được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải nhà ăn với lưu lượng 2,5 m³/ngày, được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ có dung tích là 2,8 m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sản xuất với lưu lượng 1.726,6 m³/ngày, bao gồm: nước thải từ quá trình giết mổ, nước rửa sàn khu vực nhốt gà chờ giết mổ, nước giặt quần áo bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất, nước vệ sinh xe vận chuyển,

nước thải lò hơi, nước rửa lọc (hệ thống xử lý nước tái sử dụng) được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

- Tổng lưu lượng nước sau hệ thống xử lý nước thải là 1.733,6 m³/ngày. Trong đó, lượng nước thải được tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày đêm của Dự án khoảng 291,1 m³/ngày đêm. Lưu lượng nước thải còn lại khoảng 1.442,5 m³/ngày đêm sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ Dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường D3 của KCN Minh Hưng - Sikico) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1271702; Y = 533244 (Hệ tọa độ VN2000: kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 4.850 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (khu vực nhà kỹ thuật) → Bồn Composite (1).

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (các khu vực khác) → Bể tự hoại 3 ngăn (2).

+ Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu mỡ (3).

+ Nước thải từ hoạt động giặt mủ → Hồ gom (4).

+ Nước thải từ các nguồn khác (nước rửa sàn, nước giặt quần áo bảo hộ lao động, nước vệ sinh xe vận chuyển, nước thải lò hơi, nước rửa lọc) (5).

(1) + (2) + (3) + (4) + (5) → Lược rác thô → Trạm bơm → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi DAF → Bể điều chỉnh pH → Bể trung gian → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (6) → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Minh Hưng - Sikico.

Một phần nước thải sau xử lý (6) (khoảng 291,1 m³/ngày đêm) → Hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày đêm → QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và QCVN 01-1:2018/BYT → Tái sử dụng.

- Công suất thiết kế: 4.850 m³/ngày đêm (Giai đoạn 1: Hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày đêm).

- Hóa chất sử dụng: PAC, NaOH (32%), Na₂CO₃ (99%), A- Polymer, B- Polymer, Javel (10%).

- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Một phần nước thải sau xử lý (5) (khoảng 291,1 m³/ngày đêm) → Bể chứa nước → Bộ lọc 50μm → Bộ lọc 5μm → Hệ UF → Bồn chứa nước → Tái sử dụng.

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Axit citric 98%, Javel (Rửa lọc).

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Mục đích tái sử dụng: Rửa sàn, rửa xe, giặt đồ bảo hộ, làm mát nhà chờ giết mổ, dội bồn cầu, cấp cho lò hơi, rửa lọc. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điều a, khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 4.850 m³/ngày đêm

- Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm (lấy tại hố bơm).

+ Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm (lấy tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập

trung của KCN Minh Hưng - Sikico (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

2.2.2. Hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày đêm

- Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày đêm (lấy tại bể chứa nước cấp tái sử dụng).

+ Nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày đêm (lấy tại bồn chứa nước sau Hệ thống xử lý tái sử dụng).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Đảm bảo đạt QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (đối với thông số Amoni, Coliform) và đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột A (đối với các thông số còn lại).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của hệ thống xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico và quy chuẩn về nước tái sử dụng cho các mục đích tại Công ty, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận

hành công trình thu gom nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 2.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ..66...../GPMT-UBND
ngày 29./5../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi 4 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn hơi/giờ (Nguồn số 01)	1271633	533453
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát tháp xử lý mùi tại bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày đêm (Nguồn số 02)	1271717	533299
3	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát khí của máy phát điện dự phòng số 01 (Nguồn số 03)	1271621	533464
4	Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát khí của máy phát điện dự phòng số 02 (Nguồn số 03)	1271621	533466

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Nhà máy giết mổ, chế biến thịt của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.200 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.300 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.300 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải, xả liên tục 24 giờ/ngày khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải, xả liên tục 24 giờ/ngày khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03 đến số 04: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (khi sử dụng các máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $k_p=1,0$ và $k_v=1,0$	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
1	Tại ống thoát từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn hơi/giờ (dòng khí thải số 01)	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	<ul style="list-style-type: none"> - Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
		Bụi	mg/Nm ³	200	
		SO ₂	mg/Nm ³	500	
		NO _x	mg/Nm ³	850	
2	Tại ống thoát từ tháp xử lý mùi tại bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày đêm (dòng khí thải số 02)	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	
		NH ₃	mg/Nm ³	50	
		H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B với $k_p=1,0$ và $k_v=1,0$	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
3	Tại ống thoát khí của máy phát điện dự phòng (dòng khí thải số 03 đến dòng khí thải số 04)	Khí thải phát sinh từ 02 máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi 4 tấn hơi/giờ được thu gom và dẫn về Hệ thống xử lý khí thải để xử lý (dòng khí thải số 01).

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm được thu gom và dẫn về tháp xử lý mùi để xử lý (dòng khí thải số 02).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường theo ống xả riêng tại khu vực máy phát điện (dòng khí thải số 03 đến số 04).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn hơi/giờ (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải → Khử bụi thô (Cyclone tổ hợp) → Khử bụi tinh (lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thoát.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng túi vải lọc.

1.2.2. Tháp xử lý mùi tại bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải → Quạt hút → Tháp xử lý ướt → Ống thoát.

- Công suất thiết kế: 3.200 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.2.3. Hệ thống thu gom, thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng (nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Hệ thống thu gom và phát tán bằng ống thải.

- Công suất thiết kế: 3.300 m³/giờ/hệ thống.
- Số lượng hệ thống: 02 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế hóa chất, vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm a, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn hơi/giờ (dòng số 01): Công suất 12.000 m³/giờ.

- Tháp xử lý mùi tại bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải (dòng số 02): công suất 3.200 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

02 vị trí, tương ứng với 02 ống thoát khí thải của 02 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, k_p = 1, k_v = 1).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra của hệ thống xử lý khí thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra ngoài môi trường) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...66.../GPMT-UBND
ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 02: Khu vực máy nén khí.
- + Nguồn số 03: Khu vực lò hơi 4 tấn hơi/giờ.
- + Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng (nhà máy phát điện).
- + Nguồn số 05: từ khu vực nhà chờ (nhập gà).
- + Nguồn số 06: Khu vực treo gà.
- + Nguồn số 07: Khu vực đánh lông gà.
- + Nguồn số 08 : Khu vực cân và cắt gà tự động.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày đêm	1271714	533302
2	Khu vực máy nén khí	1271566	533494
3	Khu vực máy phát điện dự phòng 01 và 02 (nhà máy phát điện)	1271614	533469
4	Khu vực lò hơi 4 tấn hơi/giờ	1271631	533448
5	Khu vực nhà chờ (nhập gà)	1271668	533340
6	Khu vực treo gà	1271654	533371
7	Khu vực đánh lông gà	1271644	533386
8	Hệ thống cân và cắt tự động	1271638	533393

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...66.../GPMT-UBND
ngày 29./5./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	8
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	2
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	1
4	Bao bì thải mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	NH	0,5
6	Chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	Lỏng	16 01 10	KS	25
7	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	24
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 03	NH	12
Tổng cộng					77,5

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
A	Chất thải từ quá trình giết mổ			11.366.784
1	Lông gà, gà chết không do dịch bệnh	14 03 02	TT - R	6.739.200
2	Phụ phẩm từ quá trình giết mổ (nội tạng, đầu gà,...)	14 03 02	TT - R	4.043.520
3	Chất thải từ lòng	14 03 02	TT - R	449.280
4	Phân gà	14 03 02	TT - R	134.784
B	Phế liệu và chất thải sản sản xuất không nguy hại khác			717.350,4
1	Tro đáy, xỉ, bụi lò hơi	04 02 06	TT	95.990,4
2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	14 03 04	TT	621.000
3	Giấy vụn phòng, thùng carton	18 01 05	TT-R	360
Tổng cộng				12.084.134,4

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	23.400
Tổng cộng		23.400

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì lưu chứa chuyên dụng có dán nhãn, có nắp đậy, chống thấm.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 14,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rôn thoát nước, có biển cảnh báo, thiết bị PCCC...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bao bì, thùng chứa chuyên dụng.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Kho chứa phân gà được bố trí gần khu vực hệ thống xử lý nước thải, diện tích: 14,7 m².

- Kho chứa lông gà được bố trí trong nhà xưởng chính, diện tích: 49,7 m².

- Kho chứa phụ phẩm và phế phẩm (nội tạng, đầu gà, gà chết...) được bố trí trong nhà xưởng chính, diện tích 77 m².

- Kho chứa phế liệu và chất thải rắn sản xuất không nguy hại khác (bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bao bì thải, tro thải từ quá trình đốt lò hơi, xỉ than, giấy vụn phòng, thùng carton,...) được bố trí gần khu vực hệ thống xử lý nước thải, diện tích 14,7 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: có mái che, vách tường, có nền cao chống thấm, có gờ chắn, có biển cảnh báo,...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và lưu chứa vào các thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 660 lít.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt

cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...66...../GPMT-UBND
 ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN
 THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO
 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

1. Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” tại Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 11/10/2021. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đáp ứng công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm (giai đoạn 1).

2. Các hạng mục, công trình sản xuất và yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2 của Dự án để nâng công suất giết mổ gà lên 37.440.000 con gà/năm, thực hiện giết mổ heo 374.400 con heo/năm đã được phê duyệt theo Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, mà Chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

2.1. Công suất, công nghệ sản xuất của giai đoạn 2**2.1.1. Công suất sản xuất**

Tiếp tục mở rộng thực hiện dự án với công suất giết mổ gà 18.720.000 con gà/năm và giết mổ heo 374.400 con heo/năm, nâng tổng sản phẩm, công suất của 02 giai đoạn là giết mổ 37.440.000 con gà/năm và giết mổ 374.400 con heo/năm.

2.1.2. Công nghệ sản xuất

- Đối với quy trình giết mổ gà: Tiếp tục sử dụng quy trình sản xuất đã được đầu tư lắp đặt tại giai đoạn 1.

- Đối với quy trình giết mổ heo: Heo → Kiểm tra → Tắm rửa → Cho heo vào giết mổ (A) → Heo mảnh → Một phần cung cấp cho chuỗi cung ứng sản phẩm, một phần chuyển sang quy trình pha lóc (B).

+ Quy trình giết mổ heo (A): Gây tê → Thọc huyết → Dội nước nóng → Cạo lông → Mổ.

+ Quy trình pha lóc heo mảnh (B): Heo mảnh → Khu vực lưu kho → Kiểm tra IQC → Kho lưu trữ → Xưởng cắt → Kho mát → Cân và đóng gói → Hệ thống máy dò kim loại → Kiểm tra OQC → Kho thành phẩm → Cung cấp cho chuỗi cung ứng sản phẩm và dùng nguyên liệu cho quy trình chế biến thực phẩm.

- Loại sản phẩm: Gà, heo được giết mổ.

2.2. Các hạng mục công trình chính của giai đoạn 2

- Các hạng mục, công trình xây dựng (nhà xưởng, kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường, kho lưu chứa chất thải nguy hại, hệ thống thu gom, xử lý nước thải...) đã được xây dựng hoàn thiện trong Giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng khi triển khai giai đoạn 2.

- Xây dựng thêm một số hạng mục bổ sung để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất cho Giai đoạn 2, cụ thể:

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)
1	Nhà xưởng giết mổ gà 2	1	7.868
2	Nhà chờ (nhập gà) 2	1	202,5
3	Nhà xưởng giết mổ heo	1	10.649
4	Nhà chờ (nhập heo)	1	2.014
5	Nhà lò hơi 10 tấn/giờ	1	240
6	Đường và sân bãi	-	12.420

- Tiếp tục sử dụng các dây chuyền, thiết bị đã lắp đặt ở Giai đoạn 1 và đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất trong Giai đoạn 2, bao gồm các hạng mục bổ sung như sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
A	DÂY CHUYỀN GIẾT MỔ		
I	DÂY CHUYỀN GIẾT MỔ GÀ		
	Tiếp tục sử dụng dây chuyền, thiết bị đã lắp đặt ở Giai đoạn 1. Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị với số lượng tương đương Giai đoạn 1 để phục vụ việc nâng công suất giết mổ gà lên 37.440.000 con gà/năm tại Giai đoạn 2.		
II	DÂY CHUYỀN GIẾT MỔ HEO		
1	Máy làm ngát heo 330T	Máy	2

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
2	Băng tải cắt tiết 300T	Hệ thống	2
3	Móc treo chân tự động 20T	Cái	100
4	Máng trượt heo	Hệ thống	2
5	Băng tải 300T	Hệ thống	2
6	Băng tải treo 300T	Hệ thống	2
7	Máng thu gom máu	Hệ thống	2
8	Máy làm sạch lông 150T	Máy	2
9	Thanh treo 2 chân heo	Hệ thống	2
10	Máy đánh lông	Máy	2
11	Bàn đặt heo sau đánh lông	Hệ thống	2
12	Móc treo heo	Cái	1.000
13	Thang nâng thân heo	Hệ thống	2
14	Băng tải đưa heo vào máy làm khô	Hệ thống	2
15	Máy làm khô heo	Máy	2
16	Máy là ướt	Máy	2
17	Băng tải chuyển heo	Hệ thống	2
18	Bàn đứng cắt đầu heo	Hệ thống	2
19	Bàn đứng cắt bụng heo	Hệ thống	2
20	Bàn đứng lấy lòng trắng heo	Hệ thống	2
21	Bàn đứng lấy lòng đỏ heo	Hệ thống	2
22	Máy cắt heo 2 mảnh	Máy	2
23	Bàn đứng lấy nội tạng	Hệ thống	2
24	Bàn đứng kiểm tra lại	Hệ thống	2
25	Hệ thống treo lòng heo	Hệ thống	2
26	Hệ thống vận chuyển lòng đỏ	Hệ thống	2
27	Hệ thống vận chuyển lòng trắng	Hệ thống	2
28	Bồn làm sạch lòng đỏ	Hệ thống	2
29	Hệ thống cân heo mảnh	Hệ thống	2
30	Máy vệ sinh heo	Máy	2

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
31	Băng tải pha lóc	Hệ thống	2
32	Băng tải làm lạnh	Hệ thống	2
33	Băng tải	Hệ thống	6
34	Phòng làm lạnh số 1	Hệ thống	2
35	Phòng làm lạnh số 2	Hệ thống	2
36	Phòng làm lạnh số 3	Hệ thống	2
37	Phòng làm lạnh số 4	Hệ thống	2
38	Cân heo sau làm lạnh	Cái	2
39	Băng tải treo heo nóng	Hệ thống	2
40	Băng tải treo heo ra xe	Hệ thống	2
41	Máy vệ sinh dao	Máy	8
42	Bồn rửa tay	Cái	10
43	Bồn để thịt	Cái	10
44	Quạt thông gió	Máy	2
45	Lò hơi 10 tấn hơi/giờ	Hệ thống	1
B	THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG		
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 36.000 m ³ /giờ	Hệ thống	1

2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của giai đoạn 2

2.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước thải (hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm) đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 2. Tuy nhiên, sẽ bổ sung lắp đặt thêm một số máy móc, thiết bị để Hệ thống xử lý hoạt động đạt công suất 4.850 m³/ngày đêm, bao gồm các máy móc, thiết bị sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	Hố bơm		

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm nước thải	Cái	1
II	Bể điều hòa		
2	Bơm nước thải	Cái	1
3	Biển tầng cho bơm nước thải	Cái	1
4	Đồng hồ lưu lượng	Bộ	1
III	Bể trung gian		
5	Máy khuấy trong bể	Cái	1
7	Biển tầng cho bơm nước thải	Cái	1
9	Công tắt mực nước	Bộ	1
10	Đồng hồ lưu lượng đường by-pas	Bộ	1
IV	Bể DAF		
11	Thiết bị đo pH	Bộ	1
12	Bơm định lượng xút	Cái	2
13	Thiết bị trộn tĩnh (cho điều chỉnh pH)	Cái	1
14	Bơm định lượng PAC	Cái	2
15	Thiết bị trộn tĩnh (cho keo tụ)	Cái	1
16	Bơm định lượng A-Polymer	Cái	2
17	Thiết bị trộn tĩnh (cho tạo bông)	Cái	1
18	Thiết bị DAF và phụ kiện	Bộ	1
19	Bơm tuần hoàn	Cái	3
20	Biển tầng cho bơm tuần hoàn	Cái	3
21	Máy nén khí	Cái	1
V	Bể UASB		
22	Van điện dòng ra	Cái	1
23	Thiết bị đo lưu lượng dòng ra	Bộ	2
VI	Bể Anoxic		
24	Máy khuấy chìm	Cái	2
25	Thanh trượt máy khuấy chìm	Cái	2
VII	Bể sinh học hiếu khí		



TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
26	Máy thổi khí	Cái	1
27	Biển tầng máy thổi khí	Cái	1
28	Đĩa khí	Cái	300
29	Thiết bị đo DO	Bộ	1
30	Bơm nước thải tuần hoàn	Cái	3
VIII	Ngăn chứa bùn sinh học		
31	Bơm bùn tuần hoàn	Cái	2
32	Van điện xả bùn dư	Cái	1
IX	Bể nén bùn		
33	Thiết bị gạt bùn	Bộ	1
34	Ống trung tâm	Bộ	1
35	Bơm bùn	Cái	1
X	Hệ xử lý bùn		
36	Máy ép bùn	Bộ	1
37	Bơm định lượng C-Polymer	Cái	3

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước tái sử dụng (công suất 1.000 m³/ngày đêm) đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 2.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico. Ngoài ra, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải từ Dự án.

2.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

+ Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải đã hoàn thành ở Giai đoạn 1 sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 2.

+ Bổ sung đầu tư mới lò hơi 10 tấn hơi/giờ: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom, xử lý như sau:

Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Khử bụi thô (cyclone tổ hợp) → Khử bụi tinh (lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thải.

Công suất thiết kế: 36.000 m³/giờ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 0,9$, $k_v = 1,0$).

2.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 2.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, quản lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 2.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3.5. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm thiểu tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy bảo đảm tối thiểu đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích của Dự án.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa trên phạm vi toàn nhà máy được thu gom, tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải và được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

+ Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

2.3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hoá chất: Thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu chứa hoá chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với khu lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Khu chứa chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị biển báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

3. Các hạng mục, công trình sản xuất và yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc Giai đoạn 3 của Dự án để mở rộng thực hiện mục tiêu chế biến thịt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm đã được phê duyệt theo Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, mà Chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

3.1. Công suất, công nghệ sản xuất của giai đoạn 3

3.1.1. Công suất sản xuất

Tiếp tục mở rộng thực hiện dự án mục tiêu chế biến thịt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm, nâng tổng sản phẩm, công suất của 03 giai đoạn là giết mổ 37.440.000 con gà/năm, giết mổ 374.400 con heo/năm và chế biến thịt 2.000 tấn sản phẩm/năm.

3.1.2. Công nghệ sản xuất

- Đối với quy trình giết mổ gà: Tiếp tục sử dụng quy trình sản xuất đã được đầu tư lắp đặt tại Giai đoạn 1, Giai đoạn 2.

- Đối với quy trình giết mổ heo: Tiếp tục sử dụng quy trình sản xuất đã được đầu tư lắp đặt tại Giai đoạn 2.

- Đối với quy trình chế biến thực phẩm: Thịt gà, thịt heo đã qua sơ chế tại dây chuyền giết mổ tại Dự án → Rửa đông, rửa → Xay thịt → Cân → Băm trộn gia vị, phụ gia → Tạo hình → Xông khói → Cắt xúc xích → Đóng gói → Hàn mép, hút chân không → Dò kim loại → Kiểm tra → Dò X-ray → Đóng gói lớn → Đóng thùng, lưu kho.

- Loại sản phẩm: Gà, heo được giết mổ; thực phẩm.

3.2. Các hạng mục công trình chính của Giai đoạn 3

- Các hạng mục, công trình xây dựng đã được xây dựng hoàn thiện trong Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 sẽ được tiếp tục sử dụng khi triển khai Giai đoạn 3.

- Xây dựng thêm một số hạng mục bổ sung để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất cho Giai đoạn 3, cụ thể:

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)
1	Nhà xưởng chính chế biến thịt	1	4.950
2	Đường và sân bãi	-	4.000
3	Tháp nước 2	1	57
4	Nhà bơm 2	1	30
5	Bể nước ngầm 2	1	120
6	Trạm biến áp 2	1	36
7	Nhà máy phát điện 2	1	60
8	Nhà xe 2	1	90
9	Nhà bảo vệ 3	1	11

- Tiếp tục sử dụng các dây chuyền, thiết bị đã lắp đặt ở Giai đoạn 1, Giai đoạn 2 và đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất trong Giai đoạn 3, bao gồm các hạng mục bổ sung như sau:

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM		
1	Hệ thống lạnh	Hệ thống	1
2	Máy nén khí	Máy	2
3	Máy phát điện 2.000 KVA	Máy	2

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
4	Bơm nước sạch	Hệ thống	3
5	Bơm cứu hỏa	Hệ thống	1
6	Máy rửa thịt đông	Máy	1
7	Máy trộn Bow cutter	Máy	7
8	Máy xay Grinder	Máy	3
9	Máy định hình VF611 + AL242	Máy	9
10	Máy đùn VF612	Máy	1
11	Máy xông khói	Máy	14
12	Máy làm Cooling	Máy	14
13	Đóng gói tự động	Máy	4
14	Máy cắt xúc xích	Máy	5
15	Máy hút chân không	Máy	6
16	Máy dò kim loại	Máy	5
17	Máy cân	Máy	4
18	Máy X-ray	Máy	4

3.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Giai đoạn 3

3.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước thải (hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày đêm) đã được hoàn thành ở Giai đoạn 2 sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 3.

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước tái sử dụng (công suất 1.000 m³/ngày đêm) đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 3.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico. Ngoài ra, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải.

3.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi:

Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải đã hoàn thành ở Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 3.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 0,9$, $k_v = 1,0$).

3.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 3.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, quản lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3.3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại đã được hoàn thành ở Giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng trong Giai đoạn 3.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3.3.5. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm thiểu tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy bảo đảm tối thiểu đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích của Dự án.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa trên phạm vi toàn nhà máy được thu gom, tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải và được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng - Sikico.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

+ Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hoá chất: Thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu chứa hoá chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với khu lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Khu chứa chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị biển báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

4. Sau khi đã hoàn thành hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc Giai đoạn 2, Giai đoạn 3 của Dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chỉ được phép đưa dự án đi vào vận hành sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico đi vào vận hành, đảm bảo tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ dự án đạt quy chuẩn theo quy định.

3. Dự án chỉ thực hiện giết mổ theo chuỗi cung ứng sản phẩm hoặc phục vụ ngành chế biến lương thực, thực phẩm trong KCN Minh Hưng - Sikico (đảm bảo phù hợp với ngành nghề được phép đầu tư vào KCN Minh Hưng - Sikico).

4. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

